

Số: 1450 /BC-SNNMT

Cà Mau, ngày 07 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 10/8/2026, Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 19/KH-ĐGS về việc Giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo các nội dung thuộc phạm vi quản lý, cụ thể như sau:

1. Tổng quan thực trạng phát triển khu vực kinh tế tư nhân

Đến ngày 30/6/2026, khu vực kinh tế tư nhân trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục duy trì hoạt động tương đối đa dạng, tham gia ở hầu hết các khâu của quá trình sản xuất và đã hình thành lực lượng tương đối rộng, tham gia ngày càng sâu vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thủy sản, chăn nuôi, lâm nghiệp, chế biến và thị trường; bước đầu xuất hiện các doanh nghiệp, hợp tác xã có vai trò hạt nhân tổ chức sản xuất, liên kết vùng nguyên liệu và dẫn dắt chuỗi giá trị, như: (1) Trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật có 105 cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng và 635 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật. Khu vực kinh tế tư nhân tham gia tương đối đầy đủ vào chuỗi giá trị trồng trọt, từ cung ứng giống, vật tư đầu vào, đầu tư vùng nguyên liệu đến liên kết với hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ nông dân; thu mua, sơ chế, bảo quản, tiêu thụ nông sản; xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và áp dụng các quy trình sản xuất an toàn. Một số doanh nghiệp, hợp tác xã đã bước đầu phát huy vai trò dẫn dắt thông qua ký kết hợp đồng liên kết với người dân, tổ chức vùng nguyên liệu, hướng dẫn quy trình sản xuất và thu mua sản phẩm. (2) Trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y có 22 doanh nghiệp, 01 hợp tác xã và khoảng 1.450 hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. Trong đó, 22 doanh nghiệp đều đang hoạt động, không có doanh nghiệp thành lập mới, ngưng/ngừng hoạt động hoặc giải thể trong kỳ báo cáo. Các cơ sở hoạt động chủ yếu trong sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vật tư thú y, chăn nuôi gia súc, gia cầm, giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật và các dịch vụ liên quan. Một số doanh nghiệp, hợp tác xã có vai trò liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và tham gia chuỗi giá trị, góp phần tạo việc làm và nâng cao giá trị sản phẩm. Đối với lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi rà soát của đơn vị này, có 26 doanh nghiệp hỗ trợ cơ sở an toàn dịch bệnh trên tôm giống, trong đó 26 doanh nghiệp đang hoạt động và 01 doanh nghiệp được ghi nhận ngưng/ngừng hoạt động/giải thể.

(3) Trong lĩnh vực thủy sản Khu vực kinh tế tư nhân giữ vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị thủy sản, đặc biệt là ngành hàng tôm. Các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất quy mô lớn từng bước phát huy vai trò hạt nhân liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ, góp phần hình thành và phát triển chuỗi giá trị tôm Cà Mau. Một số cơ sở đã chủ động ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số trong quản lý sản xuất và áp dụng các tiêu chuẩn, chứng nhận như ASC, BAP, GlobalGAP, VietGAP, tôm sinh thái/Organic, qua đó nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước, xuất khẩu. (4) Trong lĩnh vực lâm nghiệp có 12 tổ chức đang quản lý diện tích rừng khoảng 31.636,07 ha, gồm 09 doanh nghiệp, 02 hợp tác xã và 01 Trung tâm Giống Nông nghiệp Cà Mau. Các tổ chức này vừa tham gia quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, vừa có hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn với lĩnh vực lâm nghiệp. Trong kỳ báo cáo, lĩnh vực lâm nghiệp không phát sinh doanh nghiệp thành lập mới, không phát sinh doanh nghiệp ngưng, nghỉ hoạt động hoặc giải thể. (5) Trong lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường có 471 doanh nghiệp, 58 hợp tác xã và 873 hộ kinh doanh đang hoạt động; 225 cơ sở ngưng hoạt động. Các chủ thể tập trung vào sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản, góp phần hình thành các mô hình liên kết sản xuất, chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn và phát triển thị trường. (6) Trong lĩnh vực kinh tế tập thể, toàn tỉnh có 426 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó 336 hợp tác xã đang hoạt động ổn định và 90 hợp tác xã đang ngưng hoạt động, với 16.437 thành viên, bình quân 39 thành viên/HTX. Có 05 Liên hiệp hợp tác xã với 41 HTX thành viên, trong đó 04 đang hoạt động và 01 ngưng hoạt động. Ngoài ra có 1.273 tổ hợp tác trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp, với 22.877 thành viên.

. Qua đó cho thấy, khu vực kinh tế tư nhân không chỉ tồn tại ở khâu sản xuất mà ngày càng tham gia sâu hơn vào tổ chức sản xuất, liên kết vùng nguyên liệu, tiêu chuẩn hóa sản phẩm, chế biến, thương mại và kết nối thị trường. Tuy nhiên, khu vực này nhìn chung vẫn có quy mô nhỏ, năng lực tài chính và quản trị còn hạn chế, liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã và người dân chưa thật sự bền vững; khả năng hấp thụ và tiếp cận chính sách hỗ trợ còn thấp, một bộ phận cơ sở, hợp tác xã còn ngưng hoạt động.

Do đó, vấn đề đặt ra đối với ngành Nông nghiệp và Môi trường trong thời gian tới không chỉ là gia tăng số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh mà quan trọng hơn là nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh và khả năng dẫn dắt của khu vực kinh tế tư nhân; hình thành các doanh nghiệp đầu tàu, các hợp tác xã đủ năng lực làm cầu nối và các chuỗi giá trị có quy mô, tính ổn định và khả năng cạnh tranh cao.

2. Tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân

2.1. Công tác triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân,

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai, lồng ghép các nội dung phát triển kinh tế tư nhân vào quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành.

Nội dung triển khai tập trung vào cải cách thủ tục hành chính; tuyên truyền, phổ biến chính sách và pháp luật; hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; nâng cao năng suất, chất lượng; ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số; xây dựng vùng nguyên liệu; truy xuất nguồn gốc; phát triển thương hiệu; xúc tiến thương mại và thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Các đơn vị thuộc Sở đã thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn thông qua hội nghị, tập huấn, hoạt động chuyên môn, kiểm tra, hướng dẫn thủ tục hành chính và hỗ trợ trực tiếp đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh. Riêng trong lĩnh vực trồng trọt, nội dung tuyên truyền tập trung vào vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong phát triển nông nghiệp hàng hóa, chính sách liên kết sản xuất - tiêu thụ, sản xuất an toàn, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản, công tác triển khai gắn với hướng dẫn điều kiện sản xuất, phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và các quy định chuyên ngành; đồng thời chủ động phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

2.2. Kết quả cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp và tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh

Sở đã từng bước chuyển từ phương thức quản lý chủ yếu bằng kiểm tra, kiểm soát sang hướng dẫn, hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao. Các thủ tục hành chính được rà soát, công khai, hướng dẫn và giải quyết theo quy định; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thực hiện cơ chế một cửa, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức, cá nhân, trong đó điển hình, về lĩnh vực lâm nghiệp, 6 tháng đầu năm 2026 đã tiếp nhận 1.125 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 1.119 hồ sơ, đạt 99,47%; không có hồ sơ đang giải quyết, 06 hồ sơ xin rút. Đồng thời, tiếp tục hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh lâm sản về hồ sơ lâm sản, truy xuất nguồn gốc và các thủ tục có liên quan. Trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản, đã thực hiện: 74 chứng chỉ hành nghề thú y, thủy sản; 85 giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y, thủy sản; 8.036 giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất tỉnh; 6.965 giấy kiểm dịch số xe xuất tỉnh. Trong lĩnh vực thủy sản, việc hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ liên quan đến nuôi trồng thủy sản được tăng cường; đến nay đã cấp trên 41.030 Giấy xác nhận đối tượng thủy sản nuôi chủ lực, với diện tích 80.978,78 ha đối với các tổ chức, cá nhân nuôi tôm.

Qua đó, hoạt động cải cách hành chính và hỗ trợ chuyên ngành đã góp phần tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh duy trì hoạt động, giảm chi phí tuân thủ và tiếp cận thuận lợi hơn với cơ quan quản lý nhà nước.

2.3. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Thực hiện Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu hoàn thiện chính sách mới, thay thế các chính sách được ban hành trước khi hợp nhất tỉnh, nhằm thống nhất cơ chế hỗ trợ trên phạm vi toàn tỉnh Cà Mau mới.

Trước khi hợp nhất tỉnh, Sở đã phối hợp khảo sát, hỗ trợ xây dựng 04 dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gồm: (1) Liên kết sản xuất và tiêu thụ tôm sú của HTX Chế biến TMDV NTTS Cái Bát; (2) Liên kết sản xuất và tiêu thụ tôm sú của HTX Nuôi tôm năng suất cao Tân Hưng; (3) Liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo của HTX Dịch vụ nông nghiệp Kinh Dón; (4) Liên kết sản xuất và tiêu thụ bôn bôn kết hợp cá đồng của HTX An Hòa.

Các dự án có thời gian thực hiện 03 năm, tổng kinh phí 15,2 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 5,6 tỷ đồng, gồm 3,3 tỷ đồng năm 2025 và 2,3 tỷ đồng năm 2026. Các hợp tác xã đang phối hợp với doanh nghiệp cung ứng đầu vào, doanh nghiệp bao tiêu đầu ra và hộ nông dân thành viên để triển khai dự án.

Đối với lĩnh vực thủy sản, Chi cục Thủy sản đã tham gia thẩm định, hướng dẫn thực hiện các dự án liên kết chuỗi giá trị tôm, trong đó có các mô hình tôm - rừng, tôm - lúa và tôm thâm canh giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ dân. Việc triển khai góp phần hình thành vùng nguyên liệu ổn định, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng mức độ tham gia của khu vực tư nhân vào chuỗi giá trị.

Trong lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường, 6 tháng đầu năm 2026 đã xây dựng và kết nối 01 chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn, đồng thời tiếp tục hỗ trợ các cơ sở thực hiện quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tự công bố sản phẩm.

2.4. Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, thương hiệu và thị trường

Thực hiện Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030, các đơn vị đã tập trung hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc và cải tiến quy trình sản xuất.

Riêng Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường đã khảo sát, lựa chọn 01 cơ sở sản xuất, kinh doanh đáp ứng điều kiện để hỗ trợ chứng nhận HACCP; đồng thời hướng dẫn về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, xây dựng nhãn hiệu và phát triển thương hiệu sản phẩm.

Trong lĩnh vực trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ được lồng ghép với xây dựng vùng sản xuất, mã số vùng trồng, áp dụng quy trình kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận chính sách.

2.5. Kết quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thực hiện Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 về mức chi cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Sở và các đơn vị trực thuộc đã lồng ghép hỗ trợ pháp lý trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, kiểm tra, hướng dẫn chuyên ngành và phổ biến pháp luật. Trong lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường, 6 tháng đầu năm 2026 đã: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 71 cơ sở; Kiểm tra 28 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông, lâm, thủy sản; Thu 54 mẫu thuộc chương trình kiểm soát dư lượng các chất độc hại; Tiếp nhận 25 bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; Tiếp nhận hồ sơ tự công bố của 109 sản phẩm; Tiếp nhận 19 thông báo thay đổi, bổ sung thông tin trên bản tự công bố sản phẩm. Trong lĩnh vực thủy sản, đã tổ chức 20 lớp tập huấn với 800 người tham dự về pháp luật thủy sản và các quy định chuyên ngành, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật và năng lực quản trị của các chủ thể kinh tế tư nhân.

2.6. Kết quả hỗ trợ khoa học công nghệ, đổi mới sản xuất và phát triển chuỗi giá trị

Khu vực kinh tế tư nhân ngày càng có xu hướng chuyển từ sản xuất truyền thống sang sản xuất theo tiêu chuẩn, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số.

Trong thủy sản, một số doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất quy mô lớn đã áp dụng các tiêu chuẩn, chứng nhận như ASC, BAP, GlobalGAP, VietGAP, tôm sinh thái/Organic, đồng thời ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý sản xuất. Các chủ thể quy mô lớn từng bước trở thành hạt nhân liên kết giữa người sản xuất với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ, đặc biệt trong chuỗi giá trị tôm Cà Mau.

Chi cục Thủy sản cũng triển khai các mô hình sản xuất mới, năm 2026 được giao thực hiện 02 nhiệm vụ với 07 mô hình, gồm 04 mô hình nuôi sò huyết trong vuông tôm quảng canh cải tiến và 03 mô hình nuôi cua biển bán thâm canh; đã hoàn thành khảo sát, lựa chọn hộ, tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật để triển khai mô hình.

Trong trồng trọt, doanh nghiệp và hợp tác xã từng bước tham gia xây dựng vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, sản xuất VietGAP, hữu cơ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển đổi số.

2.7. Kết quả hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, OCOP và kết nối thị trường

Kinh tế tập thể, đặc biệt là hợp tác xã, được xác định là một trong những lực lượng quan trọng để tổ chức lại sản xuất, tập hợp hộ nông dân và kết nối với doanh nghiệp.

Đến ngày 30/6/2026, toàn tỉnh có 426 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó 336 HTX đang hoạt động ổn định; có 05 Liên hiệp HTX và 1.273 tổ hợp tác. Các HTX từng bước mở rộng quy mô sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết theo chuỗi giá trị.

Chương trình OCOP tiếp tục tạo động lực thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân. Toàn tỉnh có 299 sản phẩm OCOP của 135 chủ thể, gồm: 21 doanh nghiệp; 45 hợp tác xã; 01 tổ hợp tác; 68 hộ kinh doanh.

Trong quá trình triển khai, đã hỗ trợ tư vấn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho 74 sản phẩm/49 chủ thể; thiết kế bao bì, nhãn mác cho 17 sản phẩm/13 chủ thể; hỗ trợ 15 chủ thể xây dựng website; 32 chủ thể ứng dụng máy móc, thiết bị; 89 sản phẩm/57 chủ thể truy xuất nguồn gốc bằng công nghệ Blockchain; 49 sản phẩm/24 chủ thể xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Đồng thời tổ chức, lồng ghép 347 lớp đào tạo, tập huấn cho 16.711 lượt người.

Thông qua xúc tiến thương mại, đã có 90 sản phẩm của 30 chủ thể được đưa vào các hệ thống phân phối, siêu thị, cửa hàng; 160 sản phẩm của 69 chủ thể kết nối các sàn thương mại điện tử. Một số sản phẩm đã từng bước tiếp cận thị trường quốc tế như Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Singapore và Canada.

Đây là kết quả có ý nghĩa rõ nét trong việc chuyển từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa gắn với tiêu chuẩn, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và thị trường.

2.8. Kết quả thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Thực hiện Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, các đơn vị đã phối hợp cung cấp thông tin, hướng dẫn chuyên môn và rà soát các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quản lý.

Trong lĩnh vực thủy sản, đã phối hợp thẩm định chuyên môn đối với các dự án đầu tư tư nhân quy mô lớn về nuôi tôm công nghệ cao và sản xuất tôm giống bố mẹ tại các vùng quy hoạch tập trung; qua đó góp phần thu hút nguồn lực xã hội, thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao và nâng cao năng lực sản xuất.

Đồng thời, Sở và các đơn vị đang rà soát các khu vực có tiềm năng phát triển sản xuất tập trung, làm cơ sở đề xuất danh mục dự án và thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2. 9. Kết quả hỗ trợ về giống, tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất

Các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân được lồng ghép với nhiệm vụ quản lý và nâng cao chất lượng nguồn giống, vật tư và điều kiện sản xuất.

Trong lĩnh vực trồng trọt, Sở đã hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã về giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, vùng sản xuất, mã số vùng trồng, quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm và bảo hộ giống, nhãn hiệu.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, Chi cục Kiểm lâm thực hiện hướng dẫn, thẩm định và công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; góp phần bảo đảm chất lượng nguồn giống phục vụ trồng rừng và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp quy định.

2.10. Kết quả huy động nguồn lực xã hội và phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững

Việc triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW từng bước được gắn với định hướng phát triển nông nghiệp an toàn, xanh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trong thủy sản, các mô hình tôm - rừng, tôm - lúa, tôm sinh thái và nuôi trồng ứng dụng công nghệ cao vừa tạo điều kiện để doanh nghiệp và người dân nâng cao hiệu quả sản xuất, vừa hướng tới sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm tác động môi trường.

Trong lâm nghiệp, các doanh nghiệp và hợp tác xã đang quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn với quản lý tài nguyên rừng; hiện có 12 tổ chức kinh tế, hợp tác xã và đơn vị có liên quan quản lý diện tích rừng trên 31.600 ha theo số liệu rà soát của Chi cục Kiểm lâm.

2.11. Đánh giá mức độ tiếp cận và thụ hưởng chính sách

Hệ thống chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân trong ngành Nông nghiệp và Môi trường tương đối đa dạng, bao phủ các nhóm nội dung quan trọng như: hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ; hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ pháp lý; hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ phát triển hợp tác xã; hỗ trợ OCOP; hỗ trợ xúc tiến thương mại; hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận chính sách của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh chưa đồng đều.

Đặc biệt, đối với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị ngành nông nghiệp, Sở đã ban hành Kế hoạch số 71/KH-SNNMT ngày 06/4/2026 và 03 lần thông báo tiếp nhận hồ sơ. Tuy nhiên, sau hai đợt đầu chưa có doanh nghiệp đăng ký, nên chưa phát sinh thẩm định, lựa chọn và giải ngân hỗ trợ.

Nguyên nhân chủ yếu là số doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ điều kiện chưa nhiều; các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị đang trong quá trình hình thành; quy mô liên kết còn nhỏ, mức độ liên kết giữa các chủ thể chưa đồng đều, dẫn đến nhu cầu đăng ký hỗ trợ còn thấp.

2.12. Kết quả xử lý dứt điểm các dự án, hợp đồng tồn đọng kéo dài nhiều năm, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực xã hội

Thực hiện Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 23/3/2026 của UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện rà soát toàn diện, tồn đọng khó khăn, vướng mắc cho các dự án của tỉnh Cà Mau tồn đọng kéo dài trên Hệ thống 751, Sở định kỳ hàng tuần rà soát các dự án vướng thủ tục, chậm tiến độ, báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đưa dự án vào khai thác nguồn lực đất đai, tránh bị lãng phí, cụ thể:

- Tháo gỡ 6 dự án không còn khó khăn, vướng mắc: Dự án Mở rộng Trại nén tiếp bờ, Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau

giai đoạn 1, Dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư Bến Tàu - LA37, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, Dự án Khu triển lãm hội chợ, Dự án đầu tư Nhà máy xử lý chế biến phụ phẩm thủy hải sản, Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản.

- Nhóm dự án tập trung tháo gỡ khó khăn theo Thông báo số 240-TB/VPTU của Văn phòng Tỉnh ủy, 7 dự án: Dự án Khu nhà ở xã hội (Nhà ở thu nhập thấp) ấp Bà Điều, ấp Xóm Lớn, xã Lý Văn Lâm; Khu đô thị mới Licogi; Khu dân cư Thanh Phú, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau; Dự án đầu tư xây dựng nhà ở và chợ thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển; Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái Nam Hải; Dự án Đầu tư xây dựng Khu tái định cư C1, C2 thuộc khu cửa ngõ Đông Bắc, thành phố Cà Mau; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu hành chính huyện Vĩnh Lợi.

- Nhóm dự án tiếp tục rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (21 dự án): Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao; Dự án nâng cấp, cải tạo Công viên Trần Huỳnh; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Bến xe Bộ đội - Biên phòng; Dự án khu dân cư Bắc Trần Huỳnh; Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư hai bên đường số 16 (nay là đường Nguyễn Tất Thành); Dự án Đầu tư xây dựng Trường Mầm non Tuổi Hồng; Dự án đầu tư xây dựng Khu Trung tâm Thương mại Bạc Liêu (Khu Thành Gạt cũ), phường 3, thị xã Bạc Liêu; Dự án Khu dân cư giáp Khu tái định cư Bến xe - Bộ đội Biên phòng; Dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch Nhà Mát; Dự án Xây dựng nhà máy Nước Khánh An; Dự án XD nhà máy xử lý Khí Cà Mau; Dự án Đầu tư XD nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và vi sinh; Dự án Đầu tư XD nhà máy chế biến thức ăn thủy sản C.P Cà Mau; Dự án nhà máy Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu sạch (lúa); Trồng rừng nguyên liệu (Công ty Cổ phần Khánh Linh) và các Dự án Trồng rừng nguyên liệu: Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sông Tiền, Công ty TNHH XNK Gỗ Hùng Dũng HD Cà Mau, Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Sơn, Công ty TNHH Hảo Hưng, Hợp tác xã Vạn Lợi, Công ty TNHH MTV Trọng Đạt (*Chi tiết tại Công văn số 9708/SNNMT-KHTC ngày 25/8/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường*).

2.13. Việc phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác giải phóng mặt bằng

Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình triển khai các công trình, dự án đầu tư, góp phần bảo đảm tiến độ thực hiện dự án và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực tiễn cho thấy, tiến độ giải phóng mặt bằng không chỉ phụ thuộc vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan nhà nước và sự đồng thuận của người có đất bị thu hồi mà còn đòi hỏi sự chủ động, trách nhiệm và phối hợp chặt chẽ của doanh nghiệp, chủ đầu tư. Do đó, việc tăng cường hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là yêu cầu cần thiết, nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, hạn chế phát sinh khiếu nại, kiến nghị và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân.

Thời gian qua, Sở đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, phối hợp xử lý và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái

định cư và giải phóng mặt bằng đối với các dự án do doanh nghiệp, chủ đầu tư ứng trước kinh phí thực hiện. Trong quá trình triển khai, đơn vị luôn chú trọng phối hợp với doanh nghiệp, chủ đầu tư và chính quyền địa phương để hướng dẫn thực hiện đầy đủ, đúng quy định các hồ sơ, trình tự, thủ tục có liên quan; đồng thời, kịp thời trao đổi, rà soát và xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Đối với những trường hợp còn khó khăn, vướng mắc, Sở phối hợp với địa phương, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị có liên quan để xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và thống nhất phương án xử lý phù hợp. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp, tham mưu báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, không để các khó khăn, vướng mắc kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Qua đó, nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm giải quyết, góp phần đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, chủ đầu tư tổ chức triển khai thi công theo kế hoạch.

Việc phối hợp, hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được thực hiện trên nguyên tắc tuân thủ đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, khách quan, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân; trong đó, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người có đất bị thu hồi phải được bảo đảm đầy đủ theo quy định. Việc hỗ trợ doanh nghiệp không chỉ nhằm tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ dự án mà còn phải góp phần tạo sự đồng thuận của người dân, hạn chế phát sinh tranh chấp, khiếu nại, kiến nghị trong quá trình thực hiện.

Trong thời gian tới, Sở tiếp tục có ý kiến đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan và chính quyền địa phương trong việc tăng cường phối hợp, hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, chủ đầu tư. Trong đó, tập trung hướng dẫn, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, rõ đầu mối thực hiện và thời gian hoàn thành; đồng thời thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, chủ động tổng hợp, báo cáo và tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết kịp thời, tránh để phát sinh điểm nghẽn làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án.

2.14. Về tiến độ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và kết nối với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu có liên quan

Hiện nay, đơn vị đang tham mưu thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai 08 xã: Phước Long, Vĩnh Phước, Phong Hiệp, Vĩnh Thanh, Hồng Dân, Ninh Thạnh Lợi, Ninh Quới, Vĩnh Lộc thuộc tỉnh Cà Mau, dự kiến hoàn thành cuối năm 2026.

2.16. Kết quả thực hiện ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp

Sở thực hiện hỗ trợ kỹ thuật đối với phần mềm VNPT iLIS và các hệ thống

công nghệ thông tin có liên quan, phục vụ việc tiếp nhận, xử lý và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đối với hệ thống phục vụ giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được thực hiện trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; đơn vị thực hiện hỗ trợ kỹ thuật, phối hợp xử lý các vấn đề liên quan đến phần mềm, hệ thống và kết nối trong phạm vi được giao. Đồng thời, Sở đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; tăng cường tích hợp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và thực hiện liên thông giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử giữa ứng dụng cơ sở dữ liệu đất đai VNPT iLIS với ứng dụng của cơ quan Thuế. Qua đó, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 10% đến 30% (thay vì trước đây xử lý hồ sơ giấy sẽ mất nhiều thời gian để luân chuyển, xử lý hồ sơ), tạo điều kiện thuận lợi để người dân thực hiện nộp hồ sơ, tra cứu quá trình giải quyết hồ sơ và nhận kết quả trực tuyến (đối với hồ sơ toàn trình). Cụ thể:

Hồ sơ sau khi tiếp nhận được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và phần mềm VNPT iLIS, giúp người dân thuận tiện theo dõi quá trình giải quyết hồ sơ. Đồng thời, việc liên thông giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm VNPT iLIS được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử, hạn chế việc luân chuyển hồ sơ giấy giữa các cơ quan, đơn vị như trước đây, qua đó tiết kiệm thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả giải quyết công việc. Bên cạnh đó, nhằm hỗ trợ người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, hiện nay hồ sơ được tiếp nhận không phụ thuộc địa giới hành chính, tạo điều kiện để người dân được lựa chọn địa điểm nộp hồ sơ và nhận kết quả thuận tiện, gần nơi cư trú hoặc làm việc, góp phần giảm thời gian và chi phí đi lại. Đồng thời, cải cách rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nhất là có những thủ tục được trả kết quả ngay trong ngày, đỡ mất nhiều thời gian cho người dân, cụ thể: (1) Đối với thủ tục Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất...Cụ thể là thay đổi từ Chứng minh nhân dân sang Căn cước công dân, thì thời gian thực hiện hồ sơ trả kết quả trong 04 ngày làm việc; (2) Đối với thủ tục Đăng ký giao dịch bảo đảm, thời gian thực hiện hồ sơ trả kết quả trong 01 ngày làm việc. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất khi thực hiện các thủ tục giao dịch bảo đảm, vay vốn tại các tổ chức tín dụng; đồng thời, thực hiện làm sạch, làm giàu dữ liệu đất đai, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo nhiệm vụ của Đề án 06/CP, Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh trực thuộc thực hiện lồng ghép 02 thủ tục hành chính nêu trên và thực hiện xử lý hồ sơ và trả kết quả trong 01 ngày làm việc. Qua đó góp phần giảm thiểu thời gian đi lại của người dân, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính; thời gian trả kết quả khi thực hiện đồng thời 02 thủ tục được rút ngắn 04 ngày làm việc.

2.17. Việc xây dựng, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh

a) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

**** Phương án Phân bổ và khoanh vùng đất đai***

Phương án Phân bổ và khoanh vùng đất để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 16/11/2023.

Phương án Phân bổ và khoanh vùng đất đai tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bạc Liêu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 08/12/2023.

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp, Phương án Phân bổ và khoanh vùng chức năng sử dụng đất tỉnh tích hợp vào hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 và được Sở Tài chính công bố thực hiện theo quy định.

** Kế hoạch sử dụng đất (2021-2025) cấp tỉnh*

Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất (2021-2025) cấp tỉnh Cà Mau được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định tại Thông báo số 12/TB-HĐTĐ ngày 08/5/2024 và Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2024. Theo đó, UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 25/7/2024. Đến ngày 26/12/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 9159/BTNMT-QHPTTND hướng dẫn: “*Để đảm bảo không lãng phí nguồn lực đã đầu tư để tổ chức lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) cấp tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh không phải là thành phố trực thuộc trung ương quyết định kết thúc dự án lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) cấp tỉnh tại thời điểm 01 tháng 8 năm 2024, sử dụng kết quả đã thực hiện để phục vụ công tác quản lý đất đai tại địa phương; việc nghiệm thu, thanh quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật*”. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 909/UBND-NNTN ngày 10/02/2025 chấp thuận quyết định kết thúc dự án lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) của tỉnh Cà Mau tại thời điểm ngày 01/8/2024, sử dụng kết quả đã thực hiện để phục vụ công tác quản lý đất đai tại địa phương. Trên cơ sở đó, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 470/STNMT-QLĐĐ ngày 14/02/2025 gửi các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Cà Mau. Tài liệu được công bố công khai trên trang web của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đường dẫn: <https://sonnmt.camau.gov.vn/thong-tin-ve-dat-dai>.

Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất (2021-2025) cấp tỉnh Bạc Liêu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu lập và trình UBND tỉnh theo quy định. Đến ngày 04/9/2024, Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất không thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn 3494/UBND-KT. Vì vậy, không công bố công khai sản phẩm.

b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

** Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện*

- Đối với 09 huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau trước 01/7/2025: Thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã lập và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện được 09/09 đơn vị hành chính cấp huyện.

- Đối với 06 huyện, thành phố thuộc tỉnh Bạc Liêu trước 01/7/2025: Triển khai lập và phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 05/07 đơn vị hành chính cấp huyện. Còn Thành phố Bạc Liêu và thị xã Giá Rai sử dụng Quy hoạch chung theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Luật Đất đai năm 2024.

** Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện*

Trong giai đoạn 2023-2025, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; trên cơ sở hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở đã tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 49 hồ sơ theo quy định. Trong đó: 27 hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của 09 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau (cũ) và 21 hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của 07 huyện, thị xã và thành phố trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (cũ). Hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được đăng tải trên trang web của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đường dẫn: <https://sonnmt.camau.gov.vn/ke-hoach-su-dung-dat/ho-so-ke-hoach-su-dung-dat-2021-2025-tinh-ca-mau-304820>.

c) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã (khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp)

Theo điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm: “*Không tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2026 - 2030) của các thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Các địa phương khi tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của địa phương đến từng đơn vị hành chính cấp xã*”. Như vậy, theo quy định này Ủy ban nhân dân cấp xã không tổ chức quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

Theo khoản 1 Điều 18 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chuyên tiếp về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: “*Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt thì tiếp tục áp dụng để thực hiện công tác quản lý đất đai cho đến hết kỳ quy hoạch. Việc điều chỉnh phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xác định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 65 của Luật Đất đai và được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã khi thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch*”. Theo quy định này, dựa vào Phương án phân

bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Hiện nay, trên cơ sở Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Tờ trình số 818/TTr-SNNMT ngày 24/7/2026 trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho từng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Nội dung này, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Công văn số 9200/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/8/2026 kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính cùng phối hợp chỉnh sửa hoàn thiện chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy định.

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính gửi Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- VT, KHTC (Tuyển).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Mười